

Bản án số: 194/2021/HC-PT
Ngày: 14/04/2021
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh thuế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh
Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Bùi Minh Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 294/2020/TLPT-HC ngày 04 tháng 05 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế*”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 190/2020/HC-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 469/2021/QĐ-PT ngày 22/03/2021 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Công ty Cổ phần khoáng sản F.

Địa chỉ: 125/19 đường D1, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện (văn bản số 2019/02-GUQ và số 2019/03-GUQ lập ngày 09/09/2019):

Ông Tiêu Trí Đ, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: 200/34 đường N, phường 8, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: KP1/20AB khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện:

Luật sư Lê Trạch G, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ: công ty Luật TNHH Quốc tế An P – 24 đường S9, khu công nghiệp T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H (vắng mặt do đương sự có văn bản ghi ngày 12/04/2021 yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 63 đường V, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi của người bị kiện (văn bản ghi ngày 12/04/2021):

Ông Võ Quang L, là chuyên viên Cục Thuế Thành phố H (có mặt);

Bà Lý Lê Thúy U, là Kiểm tra viên Cục Thuế Thành phố H (có mặt);

3. Người kháng cáo:

Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần Khoáng sản F (công ty F) được xác định như sau:

Công ty Tư vấn và Đầu tư Phát triển Vật liệu Xây dựng (tiền thân của công ty cổ phần Khoáng sản F) được thành lập theo quyết định số 11/QĐ-BXD ngày 04/01/2001 của Bộ Xây dựng.

Vào ngày 16/12/2004, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra quyết định số 2004/QĐ-BXD để chuyển công ty Tư vấn và Đầu tư Phát triển Vật liệu xây dựng (thuộc Tổng Công Vật liệu Xây dựng số 1) thành công ty cổ phần (công ty CP) có tên tiếng Việt là “Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F”.

Vào ngày 26/01/2005, Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 có văn bản gửi Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Tây Ninh để xin phép đầu tư mỏ đá xây dựng tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh; đây là mốc khởi đầu thực hiện hoạt động đầu tư của công ty CP Khoáng sản F.

Vào ngày 01/02/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003091 cho công ty CP Tư vấn và Đầu tư F (sau này là công ty CP Khoáng sản F).

Vào ngày 11/01/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ra quyết định số 18/QĐ-UBND về việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, thời hạn 06 tháng, chi phí thăm dò bằng nguồn vốn tự có của công ty.

Ngày 28/08/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041, chứng nhận công ty CP Tư vấn và Đầu tư F được thực hiện dự án đầu tư với các ưu đãi như sau:

- Miễn nộp tiền thuê đất 07 năm, kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động;

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, áp dụng trong 10 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Sau thời hạn này, thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 28% thu nhập chịu thuế;

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số tiền phải nộp cho 06 năm tiếp theo;

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại Điều 16 của Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Dự án đầu tư khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá xây dựng L tại ấp L, xã L h, huyện D u, tỉnh Tây Ninh bắt đầu có doanh thu từ năm 2009. Công ty F đã tiến hành kê khai thuế theo ưu đãi đầu tư tại giấy chứng nhận đầu tư, cụ thể như sau: doanh nghiệp tự hạch toán riêng thu nhập từ dự án khai thác đá xây dựng và thu nhập hoạt động khác để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được hưởng ưu đãi cho dự án; doanh nghiệp đang áp dụng thuế suất 20% cho 10 năm kể từ năm 2009 và miễn thuế TNDN 02 năm kể từ năm 2012, giảm 50% số thuế phải nộp trong 06 năm kể từ năm 2014.

Vào ngày 06/09/2017, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ra quyết định số 2128/QĐ-CT-TT về việc thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2016 đối với công ty CP Khoáng sản F(công ty F).

Ngày 26/09/2017, Cục Thuế Thành phố H lập biên bản thanh tra thuế đối với công ty với nội dung chính như sau: công ty đã kê khai sai các khoản chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN; xác định ưu đãi không đúng.

Đến ngày 15/10/2017, Cục Thuế Thành phố H ra văn bản kết luận thanh tra thuế số 1249/KL-CT, yêu cầu công ty nộp đầy đủ, kịp thời số tiền thuế truy thu và phạt khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế qua kết quả thanh tra, yêu cầu chấn chỉnh kịp thời các vi phạm về thuế TNDN.

Ngày 25/10/2017, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ra quyết định số 5073/QĐ-CT xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty, như sau:

- Xử phạt số tiền: 3.718.030.787 đồng;

- Biện pháp khắc phục hậu quả: truy thu thuế Thu nhập Doanh nghiệp số tiền 18.980.645.511 đồng và số tiền chậm nộp 4.356.491.775 đồng;

- Tổng cộng số tiền phải nộp là 27.055.168.073 đồng.

Không đồng ý với quyết định nói trên, vào ngày 01/11/2017, công ty F đã làm đơn khiếu nại gửi Cục Thuế Thành phố H.

Vào ngày 01/02/2019, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ra quyết định số 10/QĐ-CT-KN về việc giải quyết khiếu nại, nội dung là giữ nguyên quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

Công ty F cho rằng Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ra quyết định số 5073/QĐ-CT và quyết định số 10/QĐ-CT-KN với nội dung như trên là không có căn cứ và trái quy định pháp luật, cụ thể như sau:

-Thứ nhất, có sự mâu thuẫn trong nội dung giữa hai quyết định hành chính của hai cơ quan khác nhau trong vận dụng pháp luật; trong trường hợp này là mâu thuẫn giữa giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 ngày 28/8/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp cho công ty F và quyết định xử phạt vi phạm hành chính về truy thu thuế Thu nhập doanh nghiệp của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

Hai văn bản nói trên vận dụng các điều luật khác nhau của Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ và các quy định khác nhau tại Luật Đầu tư và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp;

-Thứ hai, trong bản kết luận số 1123/KLTT-CT ngày 31/08/2016 về thanh tra thuế giai đoạn năm 2007 – năm 2010, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận rằng công ty đã làm đúng theo giấy chứng nhận đầu tư và áp dụng đúng nguyên tắc xác định miễn giảm thuế. Tuy nhiên, trong biên bản thanh tra ngày 26/09/2017 về việc thanh tra giai đoạn năm 2011 – năm 2016, Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh lại kết luận rằng công ty F xác định ưu đãi đầu tư không đúng, cho dù từ năm 2007 đến năm 2016, công ty chỉ áp dụng một cách tính ưu đãi đầu tư duy nhất theo giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã cấp;

-Thứ ba, công ty Cổ phần Khoáng sản F thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước để thực hiện dự án mỏ đá xây dựng tại ấp L, xã L, huyện D. Do có sự thay đổi, điều chỉnh bổ sung từ pháp luật khuyến khích đầu tư kể từ ngày có hướng dẫn chi tiết Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ, nên công ty F được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo quy định pháp luật như một đơn vị mới thành lập; tình tiết này không được cơ quan thuế xem xét và đề cập. Công ty cổ phần Khoáng sản F là một doanh nghiệp Nhà nước thực hiện việc cổ phần hóa, khi đăng ký kinh doanh lại thì được hưởng ưu đãi đầu tư như một doanh nghiệp mới thành lập (tính từ thời điểm đăng ký kinh doanh lại); thời điểm bắt đầu nộp hồ sơ đăng ký cho đến khi thực hiện đầu tư, đã trải qua nhiều bước, nhiều thủ tục hành chính kéo dài, qua nhiều cơ quan Nhà nước khác nhau (Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh), thời gian kéo dài từ đầu năm 2005 cho đến khi hoàn tất được cấp giấy chứng nhận đầu tư vào tháng 08/2007. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh căn cứ các quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP để cho phép doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa được hưởng ưu đãi đầu tư như doanh nghiệp mới thành lập, là hoàn toàn đúng đắn.

Vì vậy, công ty cổ phần Khoáng sản F (công ty F) khởi kiện, yêu cầu hủy quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 và quyết định số 10/QĐ-CT-KN ngày 01/02/2019 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

Người bị kiện là Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của công ty F như sau:

Công ty CP Khoáng sản F, mã số thuế 0302234766 (các tên cũ là: công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư F, năm 2005; công ty Cổ phần Khoáng sản và Tư vấn Đầu tư F, năm 2008) là doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn và Đầu tư Phát triển vật liệu xây dựng thuộc Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1, được chuyển thành công ty cổ phần theo quyết định số 2004/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Vào ngày 01/02/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần, số 4103003091, cho công ty F.

Ngày 25/07/2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ra quyết định số 901/QĐ-UBND về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho công ty F.

Ngày 28/08/2007, công ty F được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 để thực hiện dự án đầu tư khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá xây dựng L; địa điểm thực hiện dự án tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Điều 7 của giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 đã ghi nhận như sau: các ưu đãi đối với dự án: "... + Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% (hai mươi phần trăm), áp dụng trong 10 (mười) năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh...;

+ Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 (hai) năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 (sáu) năm tiếp theo".

Vào ngày 25/03/2009, công ty F được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động và đăng ký thuế chi nhánh lần đầu, số 0302234766-001, là xí nghiệp đá L tại địa chỉ: tổ 46, ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Ngay từ khi cổ phần hóa vào năm 2005, công ty F đã có doanh thu từ các hoạt động dịch vụ. Riêng dự án đầu tư khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá xây dựng L tại ấp Lg, xã h, huyện D, tỉnh Tây Ninh thì bắt đầu có doanh thu từ năm 2009.

Doanh nghiệp tự hạch toán riêng thu nhập từ dự án khai thác đá xây dựng và thu nhập hoạt động khác để xác định thuế TNDN được hưởng ưu đãi cho dự án, cụ thể là doanh nghiệp đang áp dụng thuế suất 20% cho 10 năm, kể từ năm 2009 và miễn thuế TNDN 02 năm, kể từ năm 2012; giảm 50% số thuế phải nộp 06 năm, kể từ năm 2014.

Vào năm 2017, Cục Thuế Thành phố thực hiện thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo quyết định số 2128/QĐ-CT-TT ngày 06/09/2017 đối với công ty cổ phần Khoáng sản F, địa chỉ: 125/19 đường D1, phường 25, quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh; mã số thuế: 0302234766, niên độ thanh tra: từ năm 2011 đến năm 2016. Thông qua việc thanh tra tại trụ sở người nộp thuế, đoàn thanh tra đã lập biên bản thanh tra thuế ngày 26/09/2017 với công ty F.

Sau đó, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ban hành quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty F, tổng số thuế truy thu và phạt là 27.055.168.073 đồng (trong đó: truy thu thuế TNDN: 18.980.645.511 đồng; số tiền chậm nộp tiền thuế TNDN: 4.356.491.775 đồng; phạt tiền về hành vi khai sai: 3.718.030.787 đồng).

Vì không đồng ý với quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, công ty F đã có đơn khiếu nại ghi ngày 01/11/2017.

Vào ngày 01/02/2019, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ra quyết định số 10/QĐ-CT-KN để giải quyết khiếu nại của công ty Fico Tây Ninh, Điều 1 của Quyết định có nội dung như sau: “Không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 01/11/2017 của Công ty Cổ Phần Khoáng Sản F (dấu công văn đến Cục Thuế số 380112615 ngày 02/11/2017). Giữ nguyên Quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 của Cục Thuế Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty Cổ Phần Khoáng Sản F”.

Theo các văn bản sau đây: Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần; Khoản 1 Phần VII Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ; Điều 36 Nghị định 187/2004/NĐ-CP; công văn số 5481/CT-TTHT ngày 21/05/2008 của Cục Thuế Thành phố H về ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá, trường hợp công ty cổ phần Khoáng sản F (trước đây là công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F) là công ty Nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần. Nhưng tại thời điểm chuyển đổi năm 2005, vì không đáp ứng các điều kiện được hưởng ưu đãi quy định tại Điều 33 (về ngành nghề, sử dụng nhiều lao động), Điều 34 (về địa bàn khuyến khích đầu tư), Chương V của Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ (quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp) nên không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như đối với doanh nghiệp thành lập mới.

Công ty F cũng không thực hiện thủ tục đăng ký với cơ quan thuế về việc chủ động xác định mức ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật hiện hành sau khi cổ phần hóa để được cơ quan thuế giải quyết. Tại biên bản kiểm tra pháp luật về thuế số 133/BB-CT ngày 15/06/2009 của Đoàn Kiểm tra - Cục Thuế Thành phố H, công ty đã xác định rằng không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN niên độ 2005 - 2006 đối với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa (tức là không được hưởng ưu đãi như đối với doanh nghiệp thành lập mới).

Căn cứ phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ (quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư) thì huyện D, tỉnh Tây Ninh thuộc danh mục địa bàn có điều

kiện kinh tế - xã hội khó khăn; Điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ (quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp); Khoản 2 Mục IV Phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN quy định mức và thời gian miễn, giảm thuế TNDN đối với dự án đầu tư mở rộng; Mục V Phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC; khoản 6, Phần I Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN, trường hợp của công ty CP Khoáng sản F là doanh nghiệp đang hoạt động và năm 2007, có đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới... (dự án đầu tư khai thác - chế biến đá xây dựng) thực hiện tại vùng thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ); vào năm 2009, dự án hoàn thành, đi vào sản xuất, kinh doanh thì được miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại; phần thu nhập tăng thêm của dự án này áp dụng thuế suất 25% và thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm được tính từ năm 2009 khi dự án đi vào sản xuất, kinh doanh (không phân biệt năm 2009 dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế hay không), cụ thể là được miễn thuế năm 2009 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2010 đến năm 2013.

Do đó, khi thực hiện thanh tra thuế đối với công ty, Cục Thuế Thành phố H đã kiểm tra các điều kiện hưởng ưu đãi thuế, số thuế mà công ty được miễn, giảm thuế... theo đúng điều kiện thực tế mà công ty đáp ứng được. Trong trường hợp công ty không đảm bảo các điều kiện để áp dụng thuế suất ưu đãi và thời gian miễn thuế, giảm thuế, thì công ty phải kê khai, nộp thuế điều chỉnh và bị xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của pháp luật.

Trong niên độ thanh tra năm 2011 – năm 2016, đoàn thanh tra - Cục Thuế Thành phố H xác định rằng dự án khai thác mỏ đá tại tỉnh Tây Ninh của công ty F chỉ được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án cho các năm 2011, 2012 và 2013; các năm còn lại thì phải kê khai, nộp thuế TNDN đầy đủ theo quy định.

Về việc thông báo với cơ quan thuế về các dự án đầu tư mở rộng sản xuất đang đầu tư xây dựng dở dang khi nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN của kỳ tính thuế năm 2008, công ty cho biết rằng đến nay không thực hiện thông báo về dự án khai thác đá (nêu trên) với cơ quan thuế - Cục Thuế Thành phố H.

Với những ý kiến nói trên, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của công ty CP Khoáng sản F.

Tại bản án Hành chính Sơ thẩm số 190/2020/HC-ST ngày 17/02/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là công ty cổ phần Khoáng sản F.

Hủy quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và quyết định

số 10/QĐ-CT-KN ngày 01/02/2019 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của công ty cổ phần Khoáng sản F (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 26/02/2020, người bị kiện là Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 và quyết định số 10/QĐ-CT-KN ngày 01/02/2019 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh; lý do như sau:

-Đối chiếu với Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần; Khoản 1 Phần VII Thông tư số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ; Điều 36 Nghị định 187/2004/NĐ-CP; công văn số 5481/CT-TTHT ngày 21/05/2008 của Cục Thuế Thành phố H về ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá, thì công ty cổ phần Khoáng sản F (trước đây là công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F) là công ty Nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Vào thời điểm chuyển đổi năm 2005, công ty F không đáp ứng các điều kiện để được hưởng ưu đãi theo Điều 33 (về ngành nghề, sử dụng nhiều lao động), Điều 34 (về địa bàn khuyến khích đầu tư), Chương V của Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ (quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp) nên không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như đối với doanh nghiệp thành lập mới.

Trường hợp của công ty CP Khoáng sản F là doanh nghiệp đang hoạt động và đến năm 2007, có đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới... (dự án đầu tư khai thác - chế biến đá xây dựng) thực hiện tại vùng thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ). Vào năm 2009, dự án hoàn thành, đi vào sản xuất, kinh doanh thì được miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại; phần thu nhập tăng thêm của dự án này áp dụng thuế suất 25% và thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm được tính từ năm 2009 khi dự án đi vào sản xuất, kinh doanh (không phân biệt năm 2009 dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế hay không), cụ thể là được miễn thuế năm 2009 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2010 đến năm 2013.

Trong niên độ thanh tra năm 2011 – năm 2016, Cục Thuế Thành phố H xác định rằng dự án khai thác mỏ đá tại tỉnh Tây Ninh của công ty F chỉ được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án cho các năm 2011, 2012 và 2013; các năm còn lại thì phải kê khai, nộp thuế TNDN đầy đủ theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự tham gia tố tụng trình bày ý kiến như sau:

-Người kháng cáo là Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, là người bị kiện, có văn bản ghi ngày 12/04/2021 yêu cầu xét xử vắng mặt đương sự và không có văn bản nào thay đổi những ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp Sơ thẩm và những ý kiến đã nêu ra tại đơn kháng cáo nói trên;

-Người khởi kiện là công ty F, do ông Tiêu Trí Đ và bà Nguyễn Thị Hồng V làm đại diện, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, giữ nguyên bản án Sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H trình bày ý kiến như sau:

-Công ty CP Khoáng sản F là doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty F đang hoạt động và đến năm 2007 thì mới đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới (dự án đầu tư khai thác - chế biến đá xây dựng) thực hiện tại vùng thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (phụ lục B ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ). Đến năm 2009, dự án hoàn thành, đi vào sản xuất, kinh doanh thì được miễn 01 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại; phần thu nhập tăng thêm của dự án này áp dụng thuế suất 25% và thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm được tính từ năm 2009 khi dự án đi vào sản xuất, kinh doanh (không phân biệt năm 2009 dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế hay không), cụ thể là được miễn thuế năm 2009 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2010 đến năm 2013.

Trong niên độ thanh tra năm 2011 – năm 2016, Cục Thuế Thành phố H xác định rằng dự án khai thác mỏ đá tại tỉnh Tây Ninh của công ty F chỉ được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án cho các năm 2011, 2012 và 2013; các năm còn lại thì phải kê khai, nộp thuế TNDN đầy đủ theo quy định.

Vì vậy, việc Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H ra quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty F (buộc nộp số tiền là 27.055.168.073 đồng) và sau đó, ra quyết định số 10/QĐ-CT-KN ngày 01/02/2019 bác bỏ khiếu nại của công ty F, là đúng pháp luật.

Với những ý kiến nói trên, người bảo vệ quyền lợi của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, sửa bản án Sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty F.

Người bảo vệ quyền lợi của công ty F trình bày ý kiến như sau:

-Công ty F là doanh nghiệp mới thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước vào năm 2005. Trong quá trình hoạt động, công ty có dự án

đầu tư mới là dự án mỏ đá xây dựng tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh; đây là địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và dự án mỏ đá xây dựng tại ấp L, xã L, huyện D là dự án duy nhất của công ty, kể từ khi thực hiện việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Vì vậy, chiếu theo những quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư, công ty F được hưởng ưu đãi đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư do UBND tỉnh Tây Ninh đã cấp.

Với những ý kiến nói trên, người bảo vệ quyền lợi của công ty F đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, giữ nguyên bản án Sơ thẩm (có văn bản số 2021/4/12AP-Ls.G kèm theo).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng thủ tục tố tụng;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Công ty CP Khoáng sản F là doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 ngày 28/08/2007 để thực hiện dự án đầu tư khai thác - chế biến đá xây dựng mỏ đá xây dựng L tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh, kèm theo là các điều khoản được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động của công ty F, đến năm 2017, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt công ty Fico Tây Ninh vì cho rằng công ty không thuộc diện được hưởng ưu đãi về thuế, như ý kiến của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh trình bày nói trên.

Như vậy, để giải quyết vụ án đúng pháp luật, thì cần phải đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp Sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, là thiếu sót. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm hủy bản án Sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp Sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Vào ngày 28/8/2007, công ty CP Tư vấn và Đầu tư F (nay là công ty CP Khoáng sản F) được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 để khai thác-chế biến đá xây dựng tại mỏ đá L, ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh; dự án này được hưởng một số ưu đãi về thuế (nội dung cụ thể được ghi nhận trong giấy phép chứng nhận đầu tư).

Công ty CP Khoáng sản F (gọi tắt là công ty F) có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký thuế tại đây.

Trong quá trình hoạt động, vào ngày 25/10/2017, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 5073/QĐ-CT xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty F ((buộc nộp số tiền là 27.055.168.073 đồng) vì cho rằng công ty không thuộc diện được hưởng ưu đãi về thuế (được miễn, giảm thuế).

Vì không đồng ý với quyết định xử phạt vi phạm hành chính (về thuế) và quyết định giải quyết khiếu nại (không chấp nhận sự khiếu nại của công ty F) của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh, nên công ty F khởi kiện, yêu cầu hủy bỏ các quyết định hành chính vừa nêu.

Như vậy, người bị kiện trong vụ án này, là Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh; quyết định hành chính bị kiện là quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế (và quyết định giải quyết khiếu nại). Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh chỉ là cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư cho công ty F, không liên quan đến quyết định hành chính bị kiện, nên không phải là đương sự trong vụ án này.

[2]Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]Vào ngày 25/10/2017, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 5073/QĐ-CT xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty cổ phần Khoáng sản F, nội dung chính như sau: phạt tiền về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp: 3.718.030.787 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả truy thu thuế với số tiền 18.980.645.511 đồng (truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp-TNDN-từ năm 2011 đến 2016); số tiền chậm nộp tiền thuế TNDN: 4.356.491.775 đồng.

Lý do xử phạt được Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh xác định tại biên bản thanh tra thuế vào ngày 26/09/2017 như sau:

-Công ty cổ phần Khoáng sản F (trước đây là công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F) là doanh nghiệp Nhà nước, chuyển đổi thành công ty cổ phần vào năm 2005, nhưng không đáp ứng được các điều kiện được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 33 (về ngành nghề, sử dụng nhiều lao động), Điều 34 (về địa bàn khuyến khích đầu tư), Chương V của Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN nên không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như đối với doanh nghiệp thành lập mới. Căn cứ điểm 2.b, Mục IV, Phần E Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN (áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2007 trở đi); căn cứ điểm 6, Phần I Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN (áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2009 trở đi) thì trường hợp của công ty cổ phần Khoáng sản Fico Tây Ninh là doanh nghiệp đang hoạt động và năm 2007 có đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới ...(dự án khai thác mỏ đá) thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn (phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ) và năm 2009 dự án hoàn thành đi vào sản xuất, kinh doanh, được miễn 01 năm và giảm 50%

số thuế phải nộp đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Trong niên độ thanh tra năm 2011-năm 2016, Đoàn thanh tra của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh xác định rằng dự án khai thác mỏ tại tỉnh Tây Ninh của Doanh nghiệp chỉ được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án cho các năm 2011, 2012, 2013, các năm còn lại phải kê khai thuế TNDN đầy đủ theo quy định.

[2.2]Xét thấy, việc Cục trưởng Cục Thuế ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty cổ phần Khoáng sản F theo các tài liệu, chứng cứ viện dẫn nói trên, là chưa có căn cứ pháp luật; lý do như sau:

[2.2.1]Công ty cổ phần Khoáng sản F (trước đây là công ty Tư vấn và Đầu tư Phát triển Vật liệu xây dựng) được thành lập theo quyết định số 11/QĐ-BXD ngày 04/01/2001 của Bộ Xây dựng.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, vào ngày 16/12/2004, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra quyết định số 2004/QĐ-BXD chuyển công ty Tư vấn và Đầu tư Phát triển Vật liệu xây dựng (thuộc Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1) thành công ty cổ phần với tên tiếng Việt là “*Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F*”.

Vào ngày 26/01/2005, Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 có Công văn số 60/TCT-ĐT gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xin phép đầu tư mỏ đá xây dựng tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh; công ty Tư vấn và Đầu tư Phát triển Vật liệu xây dựng (sau này là công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F) được giao là chủ đầu tư dự án.

Sau đó, vào ngày 01/02/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003091 cho công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F (sau này là công ty cổ phần Khoáng sản F).

[2.2.2]Dự án đầu tư khai thác-chế biến đá xây dựng mỏ đá Lộc Trung của công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F khởi đầu từ năm 2005. Nhưng vì phải trải qua nhiều giai đoạn, nhiều thủ tục hành chính (xin phép thăm dò khoáng sản; kiểm tra thực địa; cấp phép thăm dò khoáng sản; thực hiện thủ tục báo cáo tác động môi trường...), nên đến ngày 28/08/2007, công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F mới được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 với những nội dung chính yếu như sau:

-Tên dự án đầu tư: dự án đầu tư khai thác-chế biến đá xây dựng mỏ đá Lộc Trung;

-Địa điểm thực hiện dự án: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh;

-Các ưu đãi mà dự án đầu tư được hưởng: được miễn nộp tiền thuê đất 07 năm, kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động; được áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (sau thời hạn này, thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 28% thu nhập chịu thuế); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số tiền phải nộp

cho 06 năm tiếp theo; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu (theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu); các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

[2.2.3] Khoản 1 Điều 36 Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 quy định rằng doanh nghiệp, sau khi cổ phần hóa, được hưởng ưu đãi như đối với doanh nghiệp thành lập mới theo quy định của pháp luật về khuyến khích đầu tư mà không cần phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư. Như vậy, sau khi cổ phần hóa thì công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp thành lập mới.

Theo bản phụ lục II danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư (ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ), huyện D, tỉnh Tây Ninh là địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn.

Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ (quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư năm 2005) xác định rằng “*Dự án đầu tư mới là dự án được thực hiện lần đầu hoặc dự án độc lập với dự án đang thực hiện*”. Như vậy, dự án đầu tư khai thác-chế biến đá xây dựng mỏ đá L (chủ đầu tư là công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F) được xác định là dự án mới, được thực hiện lần đầu (theo giấy chứng nhận đầu tư số 45121000041 mà Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã cấp cho công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F vào ngày 28/08/2007).

Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ (quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp) quy định rằng cơ sở kinh doanh mới được thành lập từ dự án đầu tư mà được cấp giấy chứng nhận đầu tư kể từ ngày Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ (quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư) có hiệu lực thi hành thì thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ.

Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đầu tư vào ngày 28/08/2007. Tại thời điểm này, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ có hiệu lực thi hành (nghị định này có hiệu lực thi hành vào ngày 25/10/2006). Do đó, công ty sẽ nộp thuế theo quy định của Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ (quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Chiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 34; Khoản 3 Điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ (quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp), công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư F (nay là công ty cổ phần Khoáng sản F) sẽ được hưởng ưu đãi về thuế, như sau: được hưởng thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh; được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 năm tiếp theo.

[2.2.4] Như vậy, với những văn bản quy phạm pháp luật đã dẫn chiếu, việc Cục Thuế Thành phố H xác định rằng trường hợp của công ty cổ phần Khoáng sản F nói trên, chỉ được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án cho các năm 2011, 2012, 2013; riêng các năm còn lại, phải kê khai thuế TNDN đầy đủ theo quy định, để từ đó ra quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với công ty cổ phần Khoáng sản F, là chưa đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp đó, quyết định số 10/QĐ-CT-KN ngày 01/02/2019 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H (giải quyết khiếu nại của công ty cổ phần Khoáng sản F đối với quyết định số 5073/QĐ-CT ngày 25/10/2017 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H) cũng không đúng quy định của pháp luật.

[3] Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty cổ phần Khoáng sản F, hủy quyết định số 5073/QĐCT ngày 25/10/2017 của Cục trưởng cục Thuế Thành phố H và hủy quyết định số 10/QĐ-CT-KN ngày 01/02/2019 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H, là có căn cứ pháp luật.

Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H kháng cáo nhưng không có tình tiết, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp Phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203; Điều 220 và Điều 241 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

1/Không chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H; giữ nguyên bản án Sơ thẩm số 190/2020/HC-ST ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Về án phí Phúc thẩm: Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0045778 ngày 05/03/2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H đã nộp đủ án phí Phúc thẩm.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND TP HCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng